

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Số: 11/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành bổ sung quy định đào tạo trình độ Tiến sĩ

HIỆU TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGD&ĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc ban hành quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ.

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGD&ĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ Tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01A/QĐ-YDHP ngày 02 tháng 01 năm 2015 về việc ban hành quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này “Ban hành bổ sung quy định đào tạo trình độ Tiến sĩ”.

Điều 2. Ông Trưởng phòng Đào tạo sau đại học có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể và kiểm tra việc thực hiện quy định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, các Khoa/Bộ môn liên quan và thí sinh căn cứ quyết định thi hành.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu VT, SĐH.



GS.TS. Phạm Văn Thức

BỘ Y TẾ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN BAN BIÊN TẬP BIÊN SOẠN CÁC QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

Chịu trách nhiệm về nội dung và xuất bản: GS.TS. Phạm Văn Thúc

Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Danh sách ban biên tập và biên soạn:

1. PGS.TS. Trần Quang Phục : Phó Hiệu trưởng - Trưởng ban
- 2.PGS.TS. Đinh Văn Thúc : Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học - Phó trưởng ban
3. PGS.TS. Phạm Văn Hán : Phó Hiệu trưởng - Trưởng khoa Y tế công cộng - Phó trưởng ban
4. PGS.TS. Phạm Văn Nhiên : Trưởng Bộ môn Nội - Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - Uỷ viên
5. PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sáng: Trưởng Bộ môn Nhi- Trưởng phòng QLKH-HTQT- Uỷ viên
6. PGS.TS. Phạm Văn Duyệt : Trưởng Bộ môn Ngoại & PTTH- Uỷ viên
7. GS.TS. Nguyễn Trường Sơn: Trưởng Bộ môn Y học biển- Uỷ viên
8. TS. Đinh Thị Thanh Mai : Phó phòng Đào tạo Sau đại học - Uỷ viên thư ký

MỤC LỤC

Trang

Phần I: Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ	4
Chương I: Quy định chung	4
Chương II: Cơ sở đào tạo	6
Chương III: Tuyển sinh.....	8
Chương IV: Chương trình, tổ chức và quản lý đào tạo	13
Chương V: Luận án và bảo vệ luận án	24
Chương VI: Thẩm định luận án và cấp bằng tiến sĩ	35
Chương VII. Khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.....	42

QUY ĐỊNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 101/QĐ-YDHP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Y Dược Hải Phòng)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Văn bản này quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: cơ sở đào tạo; tuyển sinh; chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo; luận án và bảo vệ luận án ; thẩm định luận án và cấp bằng tiến sĩ; khiếu nại, tố cáo, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

Văn bản này áp dụng đối với các Khoa, Bộ môn (sau đây gọi chung là Đơn vị đào tạo) đã được giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ, các Khoa, Bộ môn và cá nhân tham gia đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 2. Mục tiêu

Đào tạo trình độ tiến sĩ là đào tạo những nhà khoa học, có trình độ cao về lý thuyết và năng lực thực hành phù hợp, có khả năng nghiên cứu độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề mới có ý nghĩa khoa học về chuyên ngành đào tạo và hướng dẫn nghiên cứu khoa học.

Điều 3. Thời gian đào tạo

1. Thời gian đào tạo

- 3 năm tập trung đối với người có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành.
- 4 năm tập trung đối với người có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đào tạo, bác sĩ chuyên khoa cấp 2.
- 5 năm tập trung đối với người có bằng tốt nghiệp đại học y đạt loại khá trở nên và có thâm niên công tác tối thiểu là 2 năm.

2. Trường hợp nghiên cứu sinh không theo học tập liên tục được và được nhà trường chấp nhận thì chương trình đào tạo và nghiên cứu của nghiên cứu sinh phải có tổng thời gian học và nghiên cứu như quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó có ít nhất 12 tháng tập trung liên tục tại các cơ sở đào tạo để thực hiện đề tài nghiên cứu.

Chương II

CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Điều 4. Trách nhiệm Phòng Đào tạo Sau đại học và các đơn vị đào tạo

1. Xây dựng và ban hành quy định chi tiết về tổ chức, quản lý đào tạo và các hoạt động liên quan đến quá trình đào tạo trình độ tiến sĩ trên các cơ sở quy định của Bộ giáo dục & Đào tạo.

2. Xây dựng chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy đối với các ngành, chuyên ngành được giao nhiệm vụ hoặc cho phép đào tạo và hướng dẫn nghiên cứu sinh, thủ tục, quy trình gửi báo cho các tạp chí trong nước và tạp chí nước ngoài .

3. Xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các chuyên ngành đã được giao nhiệm vụ đào tạo.

4. Tổ chức tuyển sinh theo chỉ tiêu đã được xác định hàng năm.

5. Ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh, đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh, quyết định xử lý những thay đổi trong quá trình đào tạo nghiên cứu sinh như thay đổi đề tài, người hướng dẫn, thời gian đào tạo, hình thức đào tạo hay chuyển cơ sở đào tạo cho nghiên cứu sinh.

6. Tổ chức và quản lý quá trình đào tạo theo quy định.

7. Quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, quản lý việc thi và cấp chứng chỉ, bảng điểm học tập.

8. Đề xuất danh sách nghiên cứu sinh trúng tuyển, danh sách công nhận tốt nghiệp.

9. Cấp bảng điểm, quản lý việc cấp bằng tiến sĩ theo quy định hiện hành.

10. Quản lý kinh phí, khai thác, tạo nguồn bổ sung, sử dụng và quản lý các nguồn lực khác trong đào tạo trình độ tiến sĩ theo quy định.

11. Tổ chức cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án theo quy định của quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Đảm bảo nhân lực có

đủ trình độ chuyên môn và nghiệp vụ tốt để thực hiện các nhiệm vụ phục vụ việc bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh.

12. Công bố công khai các văn bản quy định đào tạo trình độ tiến sĩ về: chương trình đào tạo, giáo trình, kế hoạch giảng dạy. Kế hoạch tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh hằng năm của các chuyên ngành đã được giao hoặc cho phép đào tạo. Danh sách học viên trúng tuyển, danh sách học viên tốt nghiệp và cấp bằng tiến sĩ trên trang thông tin điện tử (Website) của nhà trường. Cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng, công khai thu chi tài chính.

13. Báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo thường xuyên với Ban Giám hiệu về công tác đào tạo tiến sĩ.

14. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo với Bộ Giáo dục & Đào tạo và lưu trữ.

Chương III

TUYỂN SINH

Điều 5. Thời gian và hình thức tuyển sinh

Thời gian tuyển sinh vào tháng 8 hàng năm.

Hình thức tuyển sinh: xét tuyển

Điều 6. Điều kiện dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ

1. Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ có các điều kiện sau:

- Có bằng thạc sĩ đúng hoặc gần đúng chuyên ngành dự tuyển, bằng bác sĩ chuyên khoa cấp 2 đúng hoặc gần chuyên ngành dự tuyển

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học đạt loại khá trở lên và có thành tích công tác tối thiểu từ 2 năm và phải có chứng chỉ định hướng chuyên ngành.

2. Có 1 bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo, kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo, những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết của thí sinh về lĩnh vực nghiên cứu, dự kiến sau khi tốt nghiệp, để xuất người hướng dẫn.

3. Có 02 thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành, hoặc 01 thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh. Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc hoạt động chuyên môn với thí sinh. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá về năng lực và phẩm chất của người dự tuyển, cụ thể:

- a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- b) Năng lực hoạt động chuyên môn;
- c) Khả năng nghiên cứu;
- d) Khả năng làm việc theo nhóm;

- e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- f) Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- g) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

4. Có đủ trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

5. Được cơ quan quản lý nhân sự, hoặc trường nơi sinh viên vừa tốt nghiệp giới thiệu dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ. Đối với người chưa có việc làm cần được địa phương nơi cư trú xác nhận thân nhân tốt và hiện không vi phạm pháp luật.

6. Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của cơ sở đào tạo

Điều 7. Yêu cầu về ngoại ngữ của người dự tuyển

Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây:

a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1.

b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

Điều 8. Thông báo tuyển sinh

1. Chậm nhất 3 tháng trước khi tuyển sinh, trường phải ra thông báo tuyển sinh.

2. Thông báo được niêm yết tại trường, gửi đến các đơn vị đào tạo của nhà trường, các trường đào tạo nhân viên y tế, các cơ sở y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan và được đăng tải trên website của trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

3. Phòng Đào tạo Sau đại học báo cáo hội đồng tuyển sinh để tổ chức nhận, duyệt hồ sơ, lập danh sách thí sinh dự tuyển, thời gian xét tuyển, thời gian công bố kết quả xét tuyển và thời gian nhập học.

Điều 9. Hội đồng tuyển sinh

1. Hiệu trưởng nhà trường quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh. Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch, Uỷ viên thường trực và các ủy viên.

a) Chủ tịch Hội đồng: Hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng được hiệu trưởng uỷ quyền;

b) Uỷ viên thường trực: Trưởng Phòng đào tạo sau đại học hoặc phó Phòng đào tạo sau đại học;

d) Các uỷ viên: một số trưởng đơn vị hoặc phó trưởng đơn vị (Khoa, Bộ môn) có chuyên ngành đăng ký dự tuyển.

Người có bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột dự tuyển không được tham gia Hội đồng tuyển sinh và bộ máy giúp việc cho Hội đồng.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng tuyển sinh: thông báo tuyển sinh, tiếp nhận hồ sơ dự tuyển, tổ chức xét tuyển và công nhận trúng tuyển, tổng kết công tác tuyển sinh, báo cáo kịp thời kết quả tuyển sinh cho Bộ Giáo dục & Đào tạo

3. Trách nhiệm và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh

a) Phổ biến, hướng dẫn, tổ chức thực hiện các quy định về tuyển sinh theo Quy chế hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo

b) Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định thành lập bộ máy giúp việc cho Hội đồng tuyển sinh của cơ sở đào tạo bao gồm: Hội đồng xét duyệt hồ sơ, ban thư ký, tiểu ban chuyên môn.

Điều 10. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh

1. Thành phần Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh gồm có: Trưởng ban do Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh kiêm nhiệm và các ủy viên.
2. Trách nhiệm và quyền hạn của Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh
 - a) Nhận và xử lý hồ sơ của thí sinh dự tuyển; thu lệ phí dự tuyển;
 - b) Lập danh sách trích ngang các thí sinh có đủ điều kiện dự tuyển cùng hồ sơ hợp lệ.
 - c) Tiếp nhận kết quả đánh giá xét tuyển của các tiểu ban chuyên môn, tổng hợp trình Hội đồng tuyển sinh xem xét.
 - d) Gửi giấy báo kết quả xét tuyển cho tất cả thí sinh trúng tuyển.

Điều 11. Tiểu ban chuyên môn

1. Căn cứ hồ sơ dự tuyển, chuyên ngành và hướng nghiên cứu của các thí sinh, Trường đề xuất các tiểu ban chuyên môn và thành viên từng tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh và Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh quyết định.
2. Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh có ít nhất 5 người có trình độ tiến sĩ trở lên, am hiểu lĩnh vực và vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh, là thành viên của trường, cán bộ khoa học, giảng viên của trường hoặc ngoài trường và người dự kiến hướng dẫn thí sinh trúng tuyển. Thành phần tiểu ban chuyên môn gồm có Trưởng Tiểu ban và các thành viên tiểu ban.
3. Tiểu ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức xem xét đánh giá hồ sơ dự tuyển, bài luận về dự định nghiên cứu và việc trình bày, trao đổi xung quanh dự định nghiên cứu của thí sinh, xếp loại các thí sinh dự tuyển theo mức độ xuất sắc, khá, trung bình hoặc không tuyển, gửi kết quả về Ban thư ký tổng hợp và báo cáo Hội đồng tuyển sinh.

Điều 12. Quy trình xét tuyển nghiên cứu sinh

1. Thành viên tiêu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển, kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ, trình độ ngoại ngữ, thành tích nghiên cứu khoa học đã có, kinh nghiệm hoạt động chuyên môn, chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu, ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong hai thư giới thiệu.

2. Thí sinh trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch thực hiện trước tiêu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh. Vấn đề dự định nghiên cứu của thí sinh phải phù hợp với các lĩnh vực, hướng nghiên cứu, có người đủ tiêu chuẩn theo quy định đồng ý nhận hướng dẫn. Các thành viên tiêu ban chuyên môn đặt các câu hỏi phỏng vấn để đánh giá thí sinh về các mặt: tính cách, trí tuệ, sự rõ ràng về ý tưởng đối với các mong muốn sau khi hoàn thành chương trình đào tạo tiến sĩ, tính khả thi của đề tài luận án, những tư chất cần thiết của một nghiên cứu sinh. Tiêu ban chuyên môn có phiếu đánh giá và có thang điểm cụ thể về các nội dung này.

3. Căn cứ các yêu cầu đánh giá, tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, lập danh sách thí sinh xếp theo thứ tự từ cao xuống thấp và chuyển kết quả về Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh.

4. Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm kiểm tra lại hồ sơ dự tuyển, chuyển kết quả xếp loại xét tuyển cho Hội đồng tuyển sinh. Hội đồng tuyển sinh quy định nguyên tắc xét tuyển và xác định danh sách thí sinh trúng tuyển căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh được giao cho từng chuyên ngành, trình Hiệu trưởng phê duyệt.

5. Sau khi trúng tuyển, nghiên cứu sinh phải thông qua đề cương chi tiết trước Hội đồng đánh giá đề cương và Hội đồng y đức khi đề cương được duyệt chính thức.

Điều 13. Triệu tập thí sinh trúng tuyển

1. Căn cứ danh sách thí sinh trúng tuyển đã được Hiệu trưởng phê duyệt, trường gửi giấy nhập học đến các thí sinh đã được tuyển chọn.

2. Sau khi đăng ký nhập học chính thức, Hiệu trưởng ra quyết định đề tài nghiên cứu, chuyên ngành, người hướng dẫn và thời gian đào tạo của nghiên cứu sinh.

Chương IV

CHƯƠNG TRÌNH, TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 14. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ nhằm giúp nghiên cứu sinh hoàn chỉnh và nâng cao kiến thức cơ bản, có hiểu biết sâu sắc về kiến thức chuyên ngành, có kiến thức rộng về các ngành liên quan, hỗ trợ nghiên cứu sinh rèn luyện khả năng nghiên cứu, khả năng xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng thực hành cần thiết. Nội dung chương trình phải hỗ trợ nghiên cứu sinh tự học những kiến thức nền tảng, vững chắc về các học thuyết lý thuyết và lý luận của ngành, chuyên ngành, các kiến thức có tính ứng dụng của chuyên ngành, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu, phương pháp viết các bài báo khoa học và trình bày kết quả trước các nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế.

2. Phương pháp đào tạo trình độ tiến sĩ được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của nhà giáo, nhà khoa học, coi trọng rèn luyện thói quen nghiên cứu khoa học, phát triển tư duy sáng tạo trong phát hiện, giải quyết những vấn đề chuyên môn.

3. Chương trình đào tạo tiến sĩ gồm 3 phần

a) Phần 1: Các học phần bổ sung

b) Phần 2: Các học phần ở trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan.

c) Phần 3: Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ.

Chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ do trường xây dựng trên cơ sở khối lượng kiến thức và được thẩm định bởi các trường do Bộ Giáo dục & Đào tạo chỉ định.

Điều 15. Các học phần bổ sung

Các học phần bổ sung là các học phần giúp nghiên cứu sinh có đủ kiến thức và trình độ chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của nghiên cứu sinh

1. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ: các học phần bổ sung bao gồm các học phần ở trình độ thạc sĩ thuộc chuyên ngành tương ứng, được học trong 2 năm đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ, có khối lượng từ 27 đến 36 tín chỉ, chưa kể các môn triết học và ngoại ngữ.

2. Đối với nghiên cứu sinh đã có bằng thạc sĩ nhưng ở chuyên ngành gần với chuyên ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, hoặc có bằng thạc sĩ đúng chuyên ngành nhưng tốt nghiệp đã nhiều năm hoặc do cơ sở đào tạo khác cấp, trên cơ sở đổi chiếu với các chương trình đào tạo hiện tại, trường yêu cầu nghiên cứu sinh học bổ sung các học phần cần thiết theo yêu cầu của chuyên ngành đào tạo và lĩnh vực nghiên cứu.

3. Hiệu trưởng quyết định các học phần nghiên cứu sinh cần học bổ sung, khối lượng tín chỉ cần bổ sung theo khung chương trình đã được phê duyệt.

Điều 16. Các học phần ở trình độ tiến sĩ, chuyên đề và tiểu luận tổng quan

1. Các học phần tiến sĩ giúp nghiên cứu sinh cập nhật kiến thức mới trong lĩnh vực chuyên môn, nâng cao trình độ lý thuyết, phương pháp luận nghiên cứu và khả năng ứng dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học quan trọng, thiết yếu của lĩnh vực nghiên cứu: Mỗi học phần từ 2 - 3 tín chỉ (TC). Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành từ 3 đến 5 học phần với khối lượng từ 8 đến 12 tín chỉ.

2. Các học phần ở trình độ tiến sĩ bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần lựa chọn, trong đó các học phần bắt buộc là những học phần căn bản, liên quan đến những kiến thức cốt lõi ở mức độ cao của ngành và chuyên ngành. Các học phần lựa chọn có nội dung chuyên sâu phù hợp với đề tài nghiên cứu sinh hoặc hỗ trợ rèn luyện các phương pháp nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành, cách viết các bài báo khoa học.

3. Chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh, nâng cao năng lực nghiên

cứu khoa học, giúp nghiên cứu sinh giải quyết một số nội dung của đề tài luận án. Mỗi nghiên cứu sinh phải hoàn thành 3 chuyên đề, với khối lượng từ 4 đến 6 tín chỉ.

4. Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

5. Hiệu trưởng quyết định và Phòng đào tạo sau đại học công bố công khai chương trình đào tạo với các nội dung: danh mục, mục tiêu, yêu cầu, nội dung các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ của từng chuyên ngành đào tạo, cách đánh giá, yêu cầu điểm tối thiểu cho mỗi học phần mà nghiên cứu sinh cần đạt, cách báo cáo, cách đánh giá các báo cáo chuyên đề và đánh giá tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh .

Điều 17. Nghiên cứu khoa học

1. Nghiên cứu khoa học là giai đoạn đặc thù, mang tính bắt buộc trong quá trình nghiên cứu thực hiện luận án tiến sĩ. Tùy theo tính chất nghiên cứu thuộc ngành hoặc chuyên ngành để từ đó nghiên cứu sinh đạt tới tri thức mới hoặc giải pháp mới. Đây là cơ sở quan trọng để nghiên cứu sinh viết luận án tiến sĩ.

2. Hoạt động nghiên cứu khoa học phải phù hợp với mục tiêu của luận án tiến sĩ. Đơn vị chuyên môn và thầy hướng dẫn khoa học có trách nhiệm tổ chức, bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị thí nghiệm và đội ngũ cán bộ nghiên cứu hỗ trợ nghiên cứu sinh thực hiện các hoạt động nghiên cứu. Đơn vị chuyên môn, người hướng dẫn khoa học và nghiên cứu sinh chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác, tính mới của kết quả nghiên cứu của luận án, chấp hành các quy định về sở hữu trí tuệ của Việt Nam và quốc tế.

3. Thời gian nghiên cứu khoa học được bố trí trong thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ. Nếu vì lý do khách quan hay chủ quan, việc nghiên cứu khoa

học không thể hoàn thành trong thời gian dự kiến, để đảm bảo chất lượng luận án nghiên cứu sinh được đăng ký kéo dài thời gian nghiên cứu. Các chi phí đào tạo trong thời gian kéo dài do nghiên cứu sinh chịu hoặc do đơn vị cử đi học hỗ trợ nếu có điều kiện.

Điều 18. Luận án tiến sĩ

Luận án tiến sĩ phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc các giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực nghiên cứu giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành.

Điều 19. Tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và các chuyên đề tiến sĩ

1. Khi tiếp nhận nghiên cứu sinh, căn cứ trình độ của từng nghiên cứu sinh, văn bằng nghiên cứu sinh đã có, các học phần nghiên cứu sinh đã học ở trình độ đại học và thạc sĩ, bác sĩ chuyên khoa cấp 2, trường sẽ đề xuất các học phần bổ sung cần thiết ở trình độ thạc sĩ, các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ cho phù hợp, thiết thực với quá trình đào tạo, đúng với khung chương trình mà đã được Bộ Giáo dục & Đào tạo phê duyệt. Phòng Đào tạo sau đại học xây dựng kế hoạch học tập và đề xuất với các khoa/bộ môn thông báo cho nghiên cứu sinh thực hiện.

2. Đối với các học phần bổ sung ở trình độ thạc sĩ, nghiên cứu sinh phải theo học cùng các lớp đào tạo trình độ tương ứng của trường đào tạo trình độ tiến sĩ hay cơ sở khác đào tạo trình độ tiến sĩ gửi đến học. Đối với các học phần ở trình độ tiến sĩ do Trường đào tạo sẽ tổ chức thực hiện đúng tiến độ, đúng khung chương trình đào tạo.

3. Trong thời gian tối đa là 24 tháng kể từ khi trúng tuyển, cơ sở đào tạo phải tổ chức để nghiên cứu sinh hoàn thành phần 1 và phần 2 của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Việc tổ chức giảng dạy, đánh giá các học phần và tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh phải đảm bảo các yêu cầu sau đây:

a) Khuyến khích và đòi hỏi chủ động tự học, tự nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

b) Việc đánh giá các học phần ở trình độ tiến sĩ và các chuyên đề tiến sĩ thực hiện theo quy trình đánh giá khách quan, liên tục trong quá trình.

5. Nghiên cứu sinh có học phần, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu theo quy định của Trường sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh. Người chưa có bằng thạc sĩ có thể chuyển sang học và hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ để được cấp bằng.

6. Khoa/Bộ môn cùng với Phòng đào tạo sau đại học định kỳ 2 năm một lần bổ sung, điều chỉnh danh mục và nội dung các học phần, các chuyên đề tiến sĩ theo yêu cầu của ngành đào tạo thông qua Hội đồng khoa học nhà trường và Hiệu trưởng phê duyệt.

7. Hiệu trưởng quy định cụ thể việc tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan của nghiên cứu sinh, điều kiện để nghiên cứu sinh được tiếp tục đào tạo khi kết thúc các học phần và tiểu luận tổng quan.

8. Nghiên cứu sinh có học phần, chuyên đề tiến sĩ hoặc tiểu luận tổng quan không đạt yêu cầu theo quy định của trường sẽ không được tiếp tục làm nghiên cứu sinh. Người chưa có bằng thạc sĩ có thể chuyển sang học và hoàn thành chương trình thạc sĩ để được cấp bằng nếu được một cơ sở đào tạo trình độ thạc sĩ chấp nhận.

9. Hội đồng đánh giá các chuyên đề gồm 03 thành viên, hội đồng đánh giá chuyên đề tổng quan gồm 05 thành viên. Điểm đánh giá chuyên đề của Nghiên cứu sinh là trung bình cộng điểm đánh giá của các thành viên Tiểu ban có mặt, lấy đến một chữ số thập phân, tính theo thang điểm 10.

Điều 20. Trình độ ngoại ngữ của nghiên cứu sinh trước khi bảo vệ luận án

Trước khi bảo vệ luận án, nghiên cứu sinh phải có một trong các chứng chỉ, văn bằng sau đây:

1. Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B2 hoặc bậc 4/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 01 năm tính từ ngày trình hồ sơ bảo vệ luận án cấp cơ sở, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B2.
2. Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài
3. Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

Điều 21. Những thay đổi trong quá trình đào tạo

1. Việc thay đổi đề tài luận án chỉ thực hiện trong nửa đầu thời gian đào tạo.
2. Việc bổ sung hoặc thay đổi người hướng dẫn thực hiện chậm nhất một năm trước khi nghiên cứu sinh bảo vệ luận án.
3. Khi có lý do chính đáng, nghiên cứu sinh có thể xin chuyển cơ sở đào tạo với điều kiện học tập theo quy định ít nhất là một năm, được Trường đồng ý, được cơ sở chuyển đến tiếp nhận và ra quyết định công nhận là nghiên cứu sinh của cơ sở chuyển đến.
4. Nghiên cứu sinh được xác định là hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn nếu trong thời hạn quy định, luận án đã được thông qua ở Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

Nếu nghiên cứu sinh không có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định thì chậm nhất 6 tháng trước khi hết hạn phải làm đơn xin phép gia hạn học tập, có ý kiến của đơn vị cử đi học (nếu có). Việc gia hạn học tập chỉ giải quyết khi có lý do chính đáng với các điều kiện đảm bảo trong phạm vi thời gian gia hạn nghiên cứu sinh hoàn thành được nhiệm

vụ học tập, nghiên cứu. Nghiên cứu sinh phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính phát sinh khi gia hạn theo thông báo của cơ sở đào tạo. Thời hạn gia hạn không quá 24 tháng. Đối với nghiên cứu sinh không tập trung, khi được gia hạn phải làm việc tập trung tại cơ sở đào tạo để hoàn thành luận án trong thời gian được gia hạn.

5. Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho phép bảo vệ luận án trước thời hạn khi nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo, đáp ứng các điều kiện để bảo vệ luận án theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

6. Khi nghiên cứu sinh hết thời gian đào tạo (kể cả thời gian gia hạn nếu có) hoặc đã hoàn thành chương trình đào tạo (kể cả nghiên cứu sinh bảo vệ sớm trước thời hạn). Hiệu trưởng có văn bản thông báo cho đơn vị cử nghiên cứu sinh đi học biết và có đánh giá về kết quả nghiên cứu, thái độ của nghiên cứu sinh trong quá trình học tập tại cơ sở đào tạo.

7. Sau khi hết thời gian đào tạo, nếu chưa hoàn thành luận án, nghiên cứu sinh vẫn có thể tiếp tục thực hiện đề tài luận án và trở lại Trường trình luận án để bảo vệ nếu đề tài luận án và các kết quả nghiên cứu vẫn đảm bảo tính thời sự, giá trị khoa học, được người hướng dẫn, Hiệu trưởng đồng ý. Thời gian tối đa cho phép trình luận án để bảo vệ là 7 năm (84 tháng) kể từ ngày có quyết định công nhận nghiên cứu sinh. Quá thời gian này, nghiên cứu sinh không được bảo vệ luận án và các kết quả học tập thuộc chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ không được bảo lưu.

Điều 22. Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ

Giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ phải có những tiêu chuẩn sau đây:

1. Phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;

2. Có bằng tiến sĩ, tiến sĩ khoa học hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư, ở chuyên ngành đào tạo hoặc ngành phù hợp với học phần giảng dạy trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

3. Có năng lực chuyên môn tốt và hiện đang hoạt động nghiên cứu khoa học, thể hiện ở các bài báo, công trình được công bố trước và trong thời gian giảng dạy chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

4. Đủ sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp để giảng dạy;

5. Lý lịch bản thân rõ ràng.

a) Những cán bộ không thuộc biên chế hoặc giảng viên kiêm chức của nhà trường nếu tham gia hướng dẫn cần phải gửi lý lịch khoa học về phòng đào tạo sau đại học trước khi tham gia hướng dẫn tối thiểu 06 tháng. Phòng Sau đại học tập hợp trình Hiệu trưởng xem xét và phê duyệt;

b) Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ;

c) Được hợp đồng thỉnh giảng và nghiên cứu khoa học với điều kiện bảo đảm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ nơi mình công tác;

d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh phải có các tiêu chuẩn quy định tại Điều 22 của quy định này và các tiêu chuẩn sau:

a) Có chức danh giáo sư hoặc phó giáo sư hoặc có bằng tiến sĩ. Nếu có bằng tiến sĩ nhưng chưa có chức danh khoa học thì phải sau khi nhận bằng tiến sĩ tròn 3 năm.

b) Có các bài báo, công trình nghiên cứu khoa học công bố trong 5 năm trở lại đây

c) Có khả năng đặt vấn đề và hướng dẫn nghiên cứu sinh giải quyết vấn đề khoa học đã đặt ra.

d) Có năng lực ngoại ngữ phục vụ nghiên cứu chuyên ngành và trao đổi khoa học quốc tế.

e) Có trách nhiệm cao để thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh.

f) Hiện không trong thời gian phải tạm dừng nhận nghiên cứu sinh mới theo quy định của khoản 5 Điều này.

2. Mỗi nghiên cứu sinh có không quá hai người cùng hướng dẫn. Trong trường hợp có hai người hướng dẫn, cơ sở đào tạo quy định rõ vai trò, trách nhiệm của người hướng dẫn thứ nhất (người hướng dẫn chính) và người hướng dẫn thứ hai.

3. Giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ khoa học có nhiều công trình nghiên cứu có giá trị, có nhiều kinh nghiệm trong hướng dẫn nghiên cứu sinh có thể độc lập hướng dẫn nghiên cứu sinh.

4. Mỗi người hướng dẫn khoa học không được nhận quá 2 nghiên cứu sinh được tuyển trong cùng một năm ở tất cả các cơ sở đào tạo. Giáo sư được hướng dẫn cùng lúc không quá 5 nghiên cứu sinh, phó giáo sư hoặc tiến sĩ khoa học được hướng dẫn cùng lúc không quá 4 nghiên cứu sinh; tiến sĩ được hướng dẫn cùng lúc không quá 3 nghiên cứu sinh ở tất cả các cơ sở đào tạo, kể cả nghiên cứu sinh đồng hướng dẫn và kể cả nghiên cứu sinh đã hết hạn đào tạo nhưng còn trong thời gian được phép quay lại cơ sở đào tạo xin bảo vệ luận án theo quy định đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

5. Trong vòng 5 năm, tính đến ngày giao nhiệm vụ hướng dẫn nghiên cứu sinh, nếu người hướng dẫn khoa học có 2 nghiên cứu sinh không hoàn thành luận án vì lý do chuyên môn sẽ không được giao hướng dẫn nghiên cứu sinh mới.

6. Khuyến khích các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài hoặc người nước ngoài có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này tham gia hướng dẫn nghiên cứu sinh.

Điều 24. Nhiệm vụ của người hướng dẫn nghiên cứu sinh

1. Duyệt kế hoạch học tập và nghiên cứu của nghiên cứu sinh
2. Xác định các học phần cần thiết trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ bao gồm: các học phần ở trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ cho nghiên cứu sinh, đề xuất với các khoa/bộ môn, phòng đào tạo sau đại học để Hiệu trưởng cơ sở đào tạo quyết định.

3. Lên kế hoạch tuần, tháng, quý, năm làm việc với nghiên cứu sinh. Tổ chức, hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đôn đốc nghiên cứu sinh học tập và thực hiện đề tài luận án, tham gia hội nghị khoa học, duyệt và giúp nghiên cứu sinh công bố các kết quả nghiên cứu.

4. Giúp đỡ nghiên cứu sinh chuẩn bị báo cáo chuyên đề theo kế hoạch của nhà trường, chuẩn bị bài giảng, tài liệu giảng dạy để tham gia giảng dạy, trợ giảng, hướng dẫn sinh viên thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học.

5. Có nhận xét về tình hình học tập, nghiên cứu, tiến độ đạt được của nghiên cứu sinh trong các báo cáo định kỳ của nghiên cứu sinh gửi các khoa/bộ môn, phòng đào tạo sau đại học.

6. Duyệt luận án của nghiên cứu sinh, xác nhận các kết quả đạt được và đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ, nếu luận án đáp ứng các yêu cầu quy định.

Điều 25. Trách nhiệm của nghiên cứu sinh

1. Trong quá trình đào tạo, nghiên cứu sinh là thành viên chính thức của đơn vị chuyên môn, có trách nhiệm báo cáo kế hoạch để thực hiện chương trình học tập, nghiên cứu và đề cương nghiên cứu với nhà trường.

2. Trong quá trình học tập và thực hiện đề tài luận án, nghiên cứu sinh phải thường xuyên gặp gỡ xin ý kiến và trao đổi chuyên môn với thầy hướng dẫn theo kế hoạch và lịch đã định; tham gia đầy đủ và có báo cáo chuyên đề tại các buổi sinh hoạt tại khoa/bộ môn/ trường; viết các báo cáo khoa học; viết ít nhất 02 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành; tham gia các sinh hoạt khoa học có liên quan đến nhiệm vụ nghiên cứu của mình ở trong và ngoài cơ sở đào tạo; định kỳ báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu của mình với thầy hướng dẫn và đơn vị chuyên môn theo lịch do đơn vị chuyên môn quy định, ít nhất là 4 lần một năm.

3. Trong quá trình học tập, nghiên cứu sinh dành thời gian tham gia các hoạt động chuyên môn, trợ giảng, nghiên cứu, hướng dẫn sinh viên thực tập

hoặc nghiên cứu khoa học tại cơ sở đào tạo theo sự phân công của đơn vị chuyên môn.

4. Nghiên cứu sinh phải nộp về phòng đào tạo sau đại học và khoa/bộ môn báo cáo kết quả học tập và tiến độ nghiên cứu của mình bao gồm: những học phần, số tín chỉ đã hoàn thành; kết quả nghiên cứu, tình hình công bố kết quả nghiên cứu; đề cương nghiên cứu chi tiết, kế hoạch học tập, nghiên cứu của mình định kỳ 3 tháng/lần để đơn vị chuyên môn xem xét đánh giá.

5. Tất cả các nội dung của đề tài luận án thu thập tại cộng đồng, khi triển khai phải có kế hoạch bằng văn bản gửi về phòng đào tạo và khoa/bộ môn có chữ ký xác nhận của hai thầy hướng dẫn khoa học và nghiên cứu sinh.

6. Nghiên cứu sinh không được tìm hiểu hoặc tiếp xúc với phản biện độc lập, không được tham gia vào quá trình chuẩn bị tổ chức bảo vệ luận án như đưa hồ sơ, luận án đến các thành viên Hội đồng, không được tiếp xúc để lấy các bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học.

Điều 26. Trách nhiệm của đơn vị chuyên môn

1. Tổ chức để Tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh, đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển và năng lực, tư chất của thí sinh. Lập biên bản đánh giá, xếp loại kết quả xét tuyển nghiên cứu sinh trình Hiệu trưởng quyết định tuyển chọn.

2. Giám sát kế hoạch đào tạo đối với từng nghiên cứu sinh, giám sát và kiểm tra việc thực hiện chương trình và kế hoạch đào tạo của nghiên cứu sinh đó.

3. Tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn định kỳ cho giảng viên và nghiên cứu sinh, ít nhất mỗi tháng 1 lần để nghiên cứu sinh báo cáo chuyên đề và kết quả nghiên cứu; phân công nghiên cứu sinh giảng dạy, phân công hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học, đưa sinh viên đi thực hành, thực tập.

4. Quy định lịch làm việc của nghiên cứu sinh với người hướng dẫn; lịch của đơn vị chuyên môn, nghe nghiên cứu sinh báo cáo kết quả học tập, nghiên cứu trong năm học, đảm bảo ít nhất 4 lần một năm. Tổ chức xem xét đánh giá kết quả học tập, nghiên cứu, tinh thần, thái độ học tập, nghiên cứu; khả năng và triển vọng của nghiên cứu sinh và đề nghị Hiệu trưởng ra quyết định việc tiếp tục học tập đối với từng nghiên cứu sinh.

5. Hướng dẫn, liên hệ và hỗ trợ nghiên cứu sinh gửi công bố kết quả nghiên cứu ở các tạp chí chuyên ngành.

6. Đề nghị Hiệu trưởng quyết định việc thay đổi tên đề tài luận án, bổ sung hặc thay đổi người hướng dẫn, rút ngắn hoặc kéo dài thời gian đào tạo.

7. Có biện pháp quản lý và thực hiện quản lý chặt chẽ nghiên cứu sinh trong suốt thời gian học tập:

Nghiên cứu, giám sát nghiên cứu sinh trong thời gian lấy số liệu. Nghiên cứu sinh phải có kế hoạch học tập trong năm học gửi về Bộ môn/Khoa và phòng đào tạo sau đại học. Khi học tập các tín chỉ chuyên ngành có sự giám sát điểm danh của Bộ môn/Khoa và phòng Đào tạo sau đại học. Nghiên cứu sinh trước khi lấy số liệu đề tài luận án phải có báo cáo kế hoạch lấy số liệu, có xác nhận của thầy hướng dẫn và gửi về phòng Đào tạo Sau đại học.

Định kỳ 6 tháng một lần báo cáo Ban Giám hiệu về tình hình học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

8. Tổ chức đánh giá luận án của nghiên cứu sinh ở cấp cơ sở, xem xét thông qua hoặc hoãn lại việc đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường.

Chương V

LUẬN ÁN VÀ BẢO VỆ LUẬN ÁN

Điều 27. Yêu cầu đối với luận án tiến sĩ

1. Luận án tiến sĩ phải do nghiên cứu sinh thực hiện và đáp ứng được những mục tiêu và yêu cầu quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Luận án phải có những đóng góp mới về mặt học thuật, được trình bày bằng ngôn ngữ khoa học, vận dụng những lý luận cơ bản của ngành khoa học để phân tích, bàn luận các luận điểm và kết quả đã đạt được trong các công trình nghiên cứu trước đây liên quan đến đề tài luận án, trên cơ sở đó đặt ra những vấn đề mới, giả thuyết mới có ý nghĩa hoặc các giải pháp mới để giải quyết các vấn đề đặt ra của luận án và minh chứng được bằng những tư liệu mới. Tác giả luận án phải có cam đoan danh dự về công trình khoa học của mình.

2. Luận án tiến sĩ có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh. Cấu trúc của luận án tiến sĩ bao gồm các phần và chương sau:

- a) Phần đặt vấn đề: giới thiệu ngắn gọn về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài.
- b) Tổng quan tài liệu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan mật thiết đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra những vấn đề còn tồn tại mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu.
- c) Đối tượng và phương pháp nghiên cứu
- d) Kết quả nghiên cứu
- e) Bàn luận
- f) Kết luận và khuyến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ nghiên cứu, khuyến nghị những nghiên cứu tiếp theo.

g) Danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án.

h) Danh mục các tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án.

i) Phụ lục (nếu có)

3. Luận án tiến sĩ phải đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật sở hữu trí tuệ.

4. Nếu luận án là các công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó đóng góp phần chính thì phải xuất trình với cơ sở đào tạo các văn bản của các thành viên trong tập thể đồng ý cho phép nghiên cứu sinh sử dụng công trình này trong luận án để bảo vệ bằng tiến sĩ.

5. Việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu của người khác, của đồng tác giả phải được dẫn nguồn đầy đủ và rõ ràng. Nếu sử dụng tài liệu của người khác (trích dẫn bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) mà không có chú dẫn tác giả và nguồn tài liệu thì luận án không được duyệt để bảo vệ.

6. Danh mục các công trình đã công bố của tác giả có liên quan đến đề tài luận án và danh mục tài liệu tham khảo được trình bày theo thứ tự bảng chữ cái họ tên tác giả theo thông lệ quốc tế. Tài liệu tham khảo bao gồm các tài liệu được trích dẫn, sử dụng và đề cập trong luận án.

7. Nội dung chủ yếu và các kết quả nghiên cứu của luận án phải được báo cáo tại các hội nghị khoa học chuyên ngành, được công bố ít nhất trong hai bài báo trên tạp chí khoa học chuyên ngành có phản biện độc lập, được Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước tính điểm, có trong danh mục tạp chí khoa học mà cơ sở đào tạo quy định cho mỗi chuyên ngành đào tạo. Khuyến khích nghiên cứu sinh đăng bài trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín, các tạp chí do Viện Thông tin khoa học quốc tế ISI liệt kê theo địa chỉ

<http://scientific.thomsonreuteurs.com/mjl/> hoặc ký yếu Hội nghị khoa học quốc tế do một Nhà xuất bản quốc tế có uy tín ấn hành.

Điều 28. Đánh giá và bảo vệ luận án:

1. Luận án tiến sĩ được tiến hành đánh giá qua hai cấp:

- a) Cấp cơ sở (đơn vị chuyên môn);
- b) Cấp trường.

Đánh giá luận án cấp cơ sở và cấp trường theo thông tư số 10/2009/ TT-BGD &ĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

2. Điều kiện để luận án của nghiên cứu sinh được đề nghị bảo vệ:

- a) Đã hoàn thành luận án và chương trình học tập trong thời gian quy định;
- b) Luận án đáp ứng yêu cầu quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- c) Tập thể hoặc thầy hướng dẫn khoa học có văn bản khẳng định chất lượng luận án, nhận xét về tinh thần, thái độ, kết quả học tập, nghiên cứu của nghiên cứu sinh và đề nghị nghiên cứu sinh được bảo vệ luận án.
- d) Nghiên cứu sinh hiện không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
- e) Nghiên cứu sinh phải có ít nhất 02 đề tài báo cáo tại Hội nghị nghiên cứu sinh của trường

3. Hiệu trưởng quyết định về các điều kiện, yêu cầu cụ thể đối với luận án của từng chuyên ngành đào tạo khi đưa ra bảo vệ cấp trường.

Điều 29. Đánh giá luận án cấp cơ sở (đơn vị chuyên môn)

1. Sau khi nghiên cứu sinh đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của quy định trên, Trưởng Khoa hoặc Bộ môn đề nghị phòng Đào tạo Sau đại học trình Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

2. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở gồm 7 thành viên, có chức danh khoa học, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu lĩnh vực đề tài nghiên cứu, trong đó ít nhất có hai nhà khoa học ở ngoài cơ sở đào tạo. Hội đồng gồm Chủ tịch, Thư ký, hai phản biện và các ủy viên Hội đồng. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Khuyến khích mời

các nhà khoa học giỏi là người nước ngoài hoặc người Việt Nam ở nước ngoài làm phản biện trong Hội đồng.

3. Luận án phải gửi đến các thành viên của Hội đồng trước thời gian tổ chức họp Hội đồng ít nhất là 15 ngày làm việc. Các thành viên Hội đồng phải đọc luận án và viết nhận xét trước khi dự phiên họp của Hội đồng đánh giá luận án.

4. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án.
- d) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên.
- e) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

5. Phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở là một buổi sinh hoạt khoa học của đơn vị chuyên môn, được tổ chức để các thành viên đơn vị chuyên môn và những người quan tâm có thể tham dự. Trước khi luận án được đưa ra bảo vệ cấp trường, Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở tổ chức từ một đến nhiều phiên họp khi luận án vẫn còn những điểm cần sửa chữa, bổ sung. Các thành viên của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở phải có nhận xét chỉ ra những kết quả mới của luận án, những hạn chế, thiếu sót của luận án và yêu cầu nghiên cứu sinh sửa chữa, bổ sung.

Luận án chỉ được thông qua để đưa bảo vệ ở Hội đồng cấp trường khi đã hoàn chỉnh trên các cơ sở các ý kiến đóng góp trong các phiên họp trước của Hội đồng và được từ ba phần tư số thành viên Hội đồng cấp cơ sở có mặt tại phiên họp cuối cùng bỏ phiếu tán thành.

6. Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở thông qua danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án của nghiên cứu sinh và trình Hiệu trưởng quyết định, đảm bảo luận án được phổ biến đến tất cả các cơ quan, đơn vị, các nhân có trình độ tiến sĩ trở lên, cùng ngành hoặc chuyên ngành, đã và đang

nghiên cứu hoặc có thể ứng dụng những vấn đề trong luận án, trong đó số lượng cá nhân thuộc cơ sở đào tạo không quá một phần tư tổng số các cá nhân được gửi tóm tắt luận án.

7. Việc đánh giá luận án phải tập trung chủ yếu vào việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận án, đảm bảo sự chính xác, khách quan, khoa học, tranh thủ được nhiều ý kiến đóng góp của các nhà khoa học trong việc xem xét đánh giá luận án của nghiên cứu sinh. Hiệu trưởng quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở.

Điều 30. Hồ sơ đề nghị cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp trường

1. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở. Phòng Đào tạo Sau đại học đề nghị Hiệu trưởng cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án cấp Trường.

2. Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cho nghiên cứu sinh

a) Biên bản chi tiết nội dung thảo luận tại các phiên họp đánh giá luận án cấp cơ sở, có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng và thư ký.

b) Bản giải trình các điểm đã bổ sung và sửa chữa của nghiên cứu sinh sau mỗi phiên họp của Hội đồng, có chữ ký xác nhận và đồng ý của Chủ tịch Hội đồng, hai người phản biện luận án, những thành viên có ý kiến đề nghị bổ sung sửa chữa và trưởng đơn vị chuyên môn.

c) Hai bản nhận xét của hai người phản biện luận án

d) Danh sách các đơn vị và cá nhân được gửi tóm tắt luận án

e) Bản sao bằng tốt nghiệp đại học, bằng thạc sĩ (có công chứng).

f) Bản sao bảng điểm các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ, các học phần bổ sung (nếu có), các học phần của chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, các chuyên đề tiến sĩ, điểm tiểu luận tổng quan và chứng chỉ ngoại ngữ của nghiên cứu sinh.

g) Bản sao quyết định công nhận nghiên cứu sinh và quyết định về những thay đổi trong quá trình đào tạo (nếu có).

h) Bản kê khai danh mục và sao chụp những bài báo, công trình công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh.

i) Văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có công trình đồng tác giả)

k) Luận án và tóm tắt luận án.

l) Trang thông tin về những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh). Nội dung gồm: tên luận án, tên chuyên ngành và mã số, tên nghiên cứu sinh và khóa đào tạo, chức danh khoa học, học vị, tên người hướng dẫn, tên cơ sở đào tạo, nội dung ngắn gọn những đóng góp mới về mặt học thuật, lý luận, những luận điểm mới rút ra được từ kết quả nghiên cứu, khảo sát của luận án, chữ ký và họ tên của nghiên cứu sinh.

Điều 31. Phản biện độc lập

1. Trước khi thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, Hiệu trưởng xin ý kiến của hai phản biện độc lập. Phản biện độc lập là những nhà khoa học trong và ngoài nước, có trình độ chuyên môn vững vàng trong lĩnh vực đề tài nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có phẩm chất và đạo đức tốt, có uy tín khoa học cao, có chính kiến và bản lĩnh khoa học. Ý kiến của phản biện độc lập có vai trò tư vấn cho Hiệu trưởng trong việc xem xét chất lượng của luận án tiến sĩ và quyết định cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án.

2. Danh sách phản biện độc lập là **tài liệu mật** của Trường. Khoa/bộ môn, người hướng dẫn và nghiên cứu sinh không được tìm hiểu về phản biện độc lập. Các phản biện độc lập phải có trách nhiệm bảo mật nhiệm vụ, trách nhiệm của mình, kể cả khi đã hoàn thành việc phản biện luận án hay khi tham gia vào Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

3. Khi cả hai phản biện độc lập tán thành luận án, Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cho nghiên cứu sinh. Khi có một phản biện độc lập không tán thành luận án, Hiệu trưởng gửi luận án xin ý kiến của phản biện độc lập thứ ba. Nếu phản biện độc lập thứ ba tán thành luận án thì luận án được đưa ra bảo vệ cấp trường.

4. Luận án bị trả về để đánh giá lại ở cấp cơ sở nếu cả hai phản biện độc lập đầu tiên không tán thành luận án, hoặc phản biện thứ ba không tán thành khi luận án phải lấy ý kiến của phản biện thứ ba. Trường hợp này, luận án phải được chỉnh sửa và bảo vệ lại cấp cơ sở. Nghiên cứu sinh chỉ được phép trình lại hồ sơ đề nghị bảo vệ sớm nhất sau sáu tháng và muộn nhất là hai năm, kể từ ngày luận án bị trả lại. Luận án sau khi sửa chữa phải được lấy ý kiến của các phản biện độc lập lần đầu.

5. Hiệu trưởng quy định chi tiết yêu cầu đối với phản biện độc lập: trình tự, quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập, yêu cầu về lập cho phản biện độc lập.

Điều 32. Đánh giá luận án cấp trường

1. Hội đồng đánh giá luận án cấp trường gồm 07 thành viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ trong đó số thành viên thuộc cơ sở đào tạo không quá 3 người. Thành viên Hội đồng là những nhà khoa học có chức danh có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín chuyên môn, am hiểu vấn đề nghiên cứu của luận án, có công trình liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh công bố trong vòng ba năm tính đến khi được mời tham gia Hội đồng. Số thành viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư ít nhất là 2 người, thành viên là tiến sĩ phải sau khi nhận bằng đủ 36 tháng tính đến ngày thành lập Hội đồng.

2. Hội đồng gồm Chủ tịch, thư ký, ba người phản biện và các ủy viên. Mỗi thành viên Hội đồng chỉ đảm nhiệm một trách nhiệm trong Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng có uy tín chuyên môn, có chức danh giáo sư, phó giáo sư, đúng chuyên ngành với luận án. Các phản biện phải là người am hiểu sâu sắc luận án, có uy tín chuyên môn cao trong lĩnh vực khoa học đó. Người phản biện phải có trách nhiệm cao trong đánh giá chất lượng khoa học của luận án. Các phản biện phải là người ở các đơn vị khác nhau, không là cấp dưới trực tiếp của nghiên cứu sinh, không là đồng tác giả với nghiên cứu sinh trong các

công trình có liên quan đến đề tài luận án, không sinh hoạt trong cùng đơn vị chuyên môn với nghiên cứu sinh.

3. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh: người có quan hệ cha, mẹ, vợ chồng, con, anh chị em ruột với nghiên cứu sinh không tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

Điều 33. Yêu cầu, điều kiện tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án cấp trường

1. Hiệu trưởng có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực thực hiện các công việc tổ chức bảo vệ luận án cho nghiên cứu sinh, đảm bảo nguyên tắc:

a) Thời gian, địa điểm bảo vệ luận án, tên đề tài luận án của nghiên cứu sinh đã được công bố công khai, rộng rãi trên trang web của trường, trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trên bảng tin của trường và của Khoa/bộ môn, trên báo địa phương hoặc trung ương, trước ngày bảo vệ ít nhất 10 ngày để những người quan tâm có thời gian tìm hiểu luận án và tham dự phiên bảo vệ.

b) Luận án, tóm tắt luận án đã được gửi đến các thành viên Hội đồng, các nhà khoa học, các tổ chức khoa học theo danh sách đã được Hiệu trưởng quyết định. Toàn văn luận án, tóm tắt luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) và trang thông tin những đóng góp mới về mặt học thuật, luận điểm mới về khoa học và thực tiễn của luận án (bằng tiếng Việt và tiếng Anh) đã được đăng tải công khai trên trang web của trường và trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi đến địa chỉ duatin@moet.edu.vn trước ngày bảo vệ 30 ngày.

c) Các thành viên Hội đồng phải có bản nhận xét về luận án bằng văn bản gửi về trường 15 ngày trước ngày bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh.

d) Văn bản nhận xét luận án của các thành viên Hội đồng phải đánh giá đầy đủ, cụ thể về bối cảnh và hình thức của luận án, về nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, trong đó phải nêu bật được những luận điểm mới của luận án.

đ) Hội đồng đánh giá luận án cấp trường chỉ họp sau khi nhận được ít nhất 15 bản nhận xét của các nhà khoa học thuộc chuyên ngành, lĩnh vực nghiên cứu có trong danh sách gửi tóm tắt và nhận xét của tất cả các thành viên Hội đồng đánh giá luận án.

2. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận án nếu xảy ra một trong những trường hợp sau đây:

- a) Vắng mặt Chủ tịch Hội đồng
- b) Vắng mặt Thư ký Hội đồng
- c) Vắng mặt người phản biện có ý kiến không tán thành luận án.
- d) Vắng mặt từ hai thành viên Hội đồng trở lên.
- e) Nghiên cứu sinh đang bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.
- f) Không đáp ứng được một trong những yêu cầu ở khoản 1 điều này .
- g) Có hai nhận xét của thành viên Hội đồng không tán thành luận án.

Trường hợp này luận án được xem là không đạt yêu cầu, không cần phải tổ chức bảo vệ luận án.

3. Hiệu trưởng quyết định về việc thay đổi thành viên Hội đồng chấm luận án trong trường hợp cần thiết và chỉ vì lý do bất khả kháng (như thành viên của Hội đồng đi công tác nước ngoài dài hạn, ốm nặng không thể tham gia Hội đồng, hoặc khi có thành viên trong Hội đồng không đảm các điều kiện yêu cầu quy định). Các thời hạn quy định, liên quan đến hoạt động của các thành viên trong Hội đồng và việc tổ chức bảo vệ luận án, được tính kể từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

4. Trong thời hạn tối đa là ba tháng kể từ khi có quyết định thành lập, Hội đồng phải tiến hành họp đánh giá luận án cho nghiên cứu sinh. Quá thời hạn này, Hội đồng tự giải thể. Sau thời gian này, nghiên cứu sinh có quyền tiếp tục đề nghị được bảo vệ luận án nếu đáp ứng các điều kiện quy định. Hiệu trưởng quyết định việc đưa luận án ra bảo vệ. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận án thực hiện như đối với nghiên cứu sinh bảo vệ lần đầu. Hội đồng đánh

giá luận án tự giải thể sau khi hoàn thành việc đánh giá luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh.

Điều 34. Tổ chức bảo vệ luận án

1. Luận án phải được tổ chức bảo vệ công khai. Việc bảo vệ luận án phải mang tính chất trao đổi học thuật, phải bảo đảm tính nguyên tắc và nêu cao đạo đức khoa học, qua đó tác giả luận án thể hiện trình độ và sự hiểu biết sâu rộng về lĩnh vực chuyên môn của mình trước những thành viên trong Hội đồng và những người quan tâm. Mọi thành viên Hội đồng phải có trách nhiệm tìm hiểu đầy đủ về bản luận án trước khi đánh giá.

Toàn bộ diễn biến của phiên họp đánh giá luận án phải được ghi thành biên bản chi tiết, đặc biệt phần hỏi và trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi. Biên bản phải được toàn thể Hội đồng thông qua, có chữ ký của Chủ tịch và Thư ký Hội đồng.

2. Luận án được đánh giá bằng hình thức bỏ phiếu kín. Các thành viên Hội đồng chỉ được bỏ phiếu tán thành hoặc không tán thành. Phiếu trắng được coi là phiếu không tán thành. Luận án đạt yêu cầu khi có 6/7 hoặc 5/6 thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu tán thành.

3. Hội đồng phải có nghị quyết về luận án, trong đó nêu rõ:

- a) Kết quả bỏ phiếu đánh giá luận án của Hội đồng
- b) Những kết luận khoa học cơ bản, những điểm mới, đóng góp mới của luận án.
- c) Cơ sở khoa học, độ tin cậy của những luận điểm và những kết luận nêu trong luận án.
- d) Ý nghĩa về lý luận, thực tiễn và những đề nghị sử dụng các kết quả nghiên cứu của luận án
- e) Những thiếu sót về nội dung và hình thức của luận án
- g) Những điểm cần bổ sung, sửa chữa (nếu có) trước khi nộp luận án cho Thư viện Quốc gia Việt Nam

h) Khuyến nghị của Hội đồng về việc công nhận trình độ và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

4. Nghị quyết của Hội đồng phải được các thành viên Hội đồng nhất trí thông qua bằng biểu quyết công khai.

5. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc bổ sung, sửa chữa luận án theo nghị quyết của Hội đồng (nếu có) và có văn bản chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa, Chủ tịch hội đồng có trách nhiệm xem lại luận án và ký xác nhận văn bản báo cáo của nghiên cứu sinh để lưu tại Trường và nộp cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

Điều 35. Bảo vệ lại luận án

1. Nếu luận án không được Hội đồng đánh giá luận án cấp trường thông qua thì nghiên cứu sinh được phép sửa chữa và đề nghị bảo vệ lần thứ hai muộn nhất trước 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất.

2. Thành phần đánh giá luận án như Hội đồng đánh giá luận án lần thứ nhất. Nếu có thành viên vắng mặt, Hiệu trưởng bổ sung thành viên khác thay thế.

3. Không tổ chức bảo vệ luận án lần thứ ba.

4. Quá thời gian 24 tháng kể từ ngày bảo vệ lần thứ nhất, luận án không được đưa ra bảo vệ.

Chương VI

THẨM ĐỊNH LUẬN ÁN VÀ CẤP BẰNG TIẾN SĨ

Điều 36. Thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo và chất lượng luận án

1. Vào tuần cuối của các tháng chẵn trong năm, trường gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo danh sách nghiên cứu sinh bảo vệ luận án trong 2 tháng trước đó theo mẫu của BGD&ĐT, kèm theo hồ sơ của từng nghiên cứu sinh bao gồm:

- a) Bản sao quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp cơ sở và Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.
- b) Bản sao biên bản và nghị quyết của tất cả các phiên họp của các Hội đồng đánh giá luận án.
- c) Bản sao nhận xét của các phản biện độc lập
- d) Trang thông tin những đóng góp mới của luận án bằng tiếng Việt và tiếng Anh.
- đ) Tóm tắt luận án.

2. Việc thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thẩm định ngẫu nhiên: rút xác suất trong số hồ sơ luận án đã bảo vệ theo báo cáo của trường để thẩm định.
- b) Khi có đơn thư khiếu nại, tố cáo về hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án.

3. Số lượng hồ sơ, luận án được thẩm định không ít hơn 30% số luận án bảo vệ trong năm của trường. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo rà soát báo cáo và có văn bản thông báo cho Trường các trường hợp cần thẩm định và nội dung cần thẩm định của mỗi trường hợp.

4. Hồ sơ thẩm định quá trình đào tạo

a) Hồ sơ dự tuyển của nghiên cứu sinh theo quy định của Bộ Giáo dục đào tạo và Trường đề ra.

b) Văn bản nhận xét đánh giá phân loại nghiên cứu sinh khi dự tuyển của Tiểu ban chuyên môn, bản tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Tiểu ban chuyên môn và kết quả xếp loại xét tuyển của Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh theo quy định của Trường.

c) Hồ sơ đề nghị bảo vệ luận án cấp trường của nghiên cứu sinh.

d) Hồ sơ thực hiện quy trình lựa chọn, gửi lấy ý kiến và xử lý ý kiến phản biện độc lập của nghiên cứu sinh theo quy định này và các bản nhận xét của phản biện độc lập.

đ) Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh theo quy định này

e) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

5. Hồ sơ thẩm định nội dung, chất lượng luận án

a) Luận án tiến sĩ đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo.

b) Tóm tắt luận án đã xóa thông tin về nghiên cứu sinh, người hướng dẫn khoa học và cơ sở đào tạo.

c) Bản sao các bài báo công bố kết quả nghiên cứu của đề tài luận án trên các tạp chí khoa học chuyên ngành.

d) Số lượng hồ sơ: 03 bộ

6. Hồ sơ thẩm định được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ thẩm định, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành thẩm định hồ sơ quá trình đào tạo, nội dung và chất lượng luận án và có văn bản thông báo kết quả thẩm định.

7. Hồ sơ quá trình đào tạo đạt yêu cầu thẩm định khi đảm bảo các quy định về tuyển sinh, tổ chức đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp tại quy định này.

8. Nội dung, chất lượng luận án được thẩm định bằng hình thức lấy ý kiến thẩm định độc lập của 3 nhà khoa học ở trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư, phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu đề tài lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Chất lượng luận án đạt yêu cầu thẩm định nếu có ít nhất 2 ý kiến tán thành.

9. Trong trường hợp có đơn, thư khiếu nại, tố cáo về nội dung, chất lượng luận án hoặc luận án có ít nhất 2 ý kiến thẩm định không tán thành, Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định luận án, ủy nhiệm Hiệu trưởng có nghiên cứu sinh tổ chức họp Hội đồng thẩm định luận án có sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 37. Hội đồng thẩm định luận án

1. Hội đồng thẩm định luận án gồm 7 thành viên, trong đó ít nhất 4 thành viên chưa tham gia Hội đồng đánh giá luận án cấp cơ sở hay Hội đồng đánh giá luận án cấp trường của luận án được thẩm định. Thành viên Hội đồng thẩm định là các nhà khoa học ở trong hoặc ngoài nước, có chức danh giáo sư, phó giáo sư, có bằng tiến sĩ khoa học hoặc tiến sĩ, am hiểu đề tài lĩnh vực nghiên cứu của nghiên cứu sinh, có công trình khoa học công bố về lĩnh vực đề tài luận án trong 3 năm tính đến ngày thành lập Hội đồng, có chính kiến và bản lĩnh khoa học, khách quan, trung thực. Hội đồng có Chủ tịch Hội đồng, Thư ký và các ủy viên. Người hướng dẫn khoa học không được tham gia vào Hội đồng thẩm định luận án.

2. Trước khi họp Hội đồng thẩm định, các thành viên Hội đồng có bản nhận xét về tính cấp thiết của đề tài luận án, sự phù hợp với chuyên ngành, không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã công bố, tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu, bô cục và hình thức trình bày, nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được, những phát hiện, luận điểm mới của luận án, đánh giá thành

công và hạn chế của luận án, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận án tiến sĩ.

3. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 6 thành viên Hội đồng bao gồm Chủ tịch Hội đồng, Thư ký Hội đồng và các thành viên hội đồng có ý kiến không tán thành luận án (nếu có). Hội đồng thẩm định luận án có trách nhiệm xem xét, đánh giá nội dung, chất lượng luận án, làm rõ những nội dung đơn thư khiếu nại, tố cáo, nội dung nhận xét, kết luận của những người thẩm định độc lập luận án. Hội đồng phải có biên bản chi tiết các ý kiến thảo luận, trao đổi, kết luận và quyết nghị về nội dung, chất lượng luận án. Luận án đạt yêu cầu thẩm định khi có ít nhất 5 thành viên Hội đồng có mặt tán thành luận án.

4. Trường hợp luận án không đạt yêu cầu thẩm định, Hiệu trưởng tổ chức cuộc đối thoại giữa Hội đồng thẩm định luận án và Hội đồng chấm luận án cấp trường với sự giám sát của đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số lượng thành viên của hai Hội đồng dự họp ít nhất là 12 người, trong đó Chủ tịch, phản biện, thư ký và các thành viên có ý kiến không tán thành của hai Hội đồng phải có mặt.

5. Hiệu trưởng trực tiếp điều hành cuộc họp, bầu thư ký. Thành viên của hai Hội đồng tranh luận về nội dung, chất lượng luận án, bỏ phiếu đánh giá lại luận án. Luận án đạt yêu cầu nếu có ít nhất 3/4 thành viên có mặt tán thành. Kết quả cuộc họp đối thoại là kết quả thẩm định cuối cùng về nội dung, chất lượng luận án.

Điều 38. Xử lý kết quả thẩm định

1. Đối với luận án đạt yêu cầu khi thẩm định nhưng có ý kiến của người thẩm định độc lập hoặc Hội đồng thẩm định yêu cầu phải sửa chữa thì Hội đồng đánh giá luận án cấp trường cùng với người hướng dẫn và nghiên cứu sinh xem xét và quyết định các điểm cần bổ sung chỉnh sửa. Sau khi nghiên cứu sinh hoàn thành việc sửa chữa, Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp trường kiểm tra và xác nhận chi tiết những nội dung đã bổ sung chỉnh sửa, báo cáo Hiệu trưởng cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

2. Đối với luận án không đạt yêu cầu tại Hội đồng thẩm định:

a) Trường hợp chưa được cấp bằng tiến sĩ, nghiên cứu sinh được sửa chữa, bổ sung và bảo vệ lại luận án theo quy định.

b) Trường hợp đã được cấp bằng tiến sĩ sẽ được xem xét xử lý theo pháp luật hiện hành đối với văn bằng đã được cấp.

3. Đối với hồ sơ quá trình đào tạo không đạt yêu cầu thẩm định, căn cứ thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng bổ sung hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp phát hiện có vi phạm hành chính thì được chuyển xem xét xử lý theo quy định hiện hành về xử phạt hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

4. Trong thời gian không quá 2 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thẩm định, Hiệu trưởng có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xử lý kết quả thẩm định theo các nội dung nêu tại Điều này, cùng với báo cáo bảo vệ luận án của nghiên cứu sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. Cơ sở đào tạo có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong năm sẽ bị dừng tuyển sinh ít nhất trong một năm kế tiếp, có từ 30% trở lên số luận án không đạt yêu cầu thẩm định trong hai năm liên tiếp sẽ bị dừng việc thành lập Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ ít nhất trong một năm kế tiếp. Việc dừng các hoạt động này được thông báo công khai trên trang web của Trường và Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong thời gian bị dừng các hoạt động tuyển sinh, thành lập Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ, trường phải có các giải pháp khắc phục, báo cáo kết quả với Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét việc cho phép tiếp tục tuyển sinh, tổ chức Hội đồng đánh giá luận án và cấp bằng tiến sĩ.

Điều 39. Hoàn thiện hồ sơ cấp bằng tiến sĩ

1. Trường lập hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Đủ 3 tháng kể từ ngày bảo vệ thành công luận án tại Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

b) Đã chỉnh sửa, bổ sung những nội dung trong luận án theo nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường, đã được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra và xác nhận.

c) Nghiên cứu sinh không có tên trong danh sách thẩm định luận án theo thông báo của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định này. Nếu trường hợp cần thẩm định thì phải đạt các yêu cầu đã quy định.

d) Nghiên cứu sinh đã nộp Thư viện Quốc gia Việt Nam một bản luận án, một bản tóm tắt luận án, một đĩa CD ghi toàn bộ luận án và tóm tắt luận án (bao gồm cả trang bìa).

2. Bản luận án nộp các Thư viện gồm hai phần:

a) Phần một là toàn văn luận án đã được bổ sung, sửa chữa theo yêu cầu của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

b) Phần hai là các tài liệu của phiên họp bảo vệ, đánh giá luận án cấp trường, đóng cuốn cùng với luận án bao gồm:

- Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá luận án cấp trường và danh sách thành viên Hội đồng.

- Các bản nhận xét của tất cả thành viên Hội đồng.

- Biên bản và nghị quyết của Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

- Văn bản báo cáo chi tiết về các điểm đã bổ sung, sửa chữa trong luận án (nếu có) theo nghị quyết của Hội đồng cấp trường, có xác nhận của Chủ tịch Hội đồng đánh giá luận án cấp trường.

3. Hồ sơ xét cấp bằng tiến sĩ của nghiên cứu sinh bao gồm:

a) Biên bản chi tiết diễn biến của buổi bảo vệ luận án, câu hỏi của các thành viên Hội đồng đánh giá luận án và những người tham dự, trả lời của nghiên cứu sinh cho từng câu hỏi.

b) Nghị quyết của Hội đồng

c) Các bản nhận xét của tất cả các thành viên của Hội đồng, của các cơ quan và các nhà khoa học gửi tới Hội đồng.

d) Biên bản kiểm phiếu và các phiếu đánh giá

- đ) Bản nhận xét, đánh giá của tập thể hướng dẫn nghiên cứu sinh.
- e) Danh sách Hội đồng có chữ ký của các thành viên tham dự buổi bảo vệ.
- f) Giấy biên nhận luận án và tóm tắt luận án của Thư viện Quốc gia Việt Nam.
- h) Tờ báo đăng tin hay bản sao chụp bản tin đăng báo ngày bảo vệ.
- i) Bản in trang thông tin những đóng góp mới của luận án trên trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Hồ sơ này phải được lưu giữ lâu dài tại Trường.

Điều 40. Cấp bằng tiến sĩ

1. Hồ sơ bảo vệ luận án được đưa ra xem xét tiến hành các thủ tục cấp bằng tiến sĩ bao gồm các luận án không phải thẩm định và hồ sơ của luận án đã đạt yêu cầu thẩm định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Hiệu trưởng có trách nhiệm tổ chức thẩm tra quá trình đào tạo, chất lượng luận án, việc tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá luận án trước khi tổ chức cuộc họp thường kỳ của Hội đồng Khoa học và Đào tạo để thông qua danh sách nghiên cứu sinh được cấp bằng tiến sĩ và ra quyết định cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh.

Chương VII

KHIÉU NẠI, TÓ CÁO, THANH TRA, KIỂM TRA VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 41. Khiếu nại, tố cáo

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân và người bảo vệ có thể khiếu nại, tố cáo về những vi phạm trong quá trình tuyển sinh, đào tạo, thực hiện luận án, tổ chức bảo vệ và đánh giá luận án, trong thời gian 2 tháng kể từ ngày bảo vệ.

Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo. Trong trường hợp cần thẩm định hồ sơ, luận án trong quá trình giải quyết khiếu nại, tố cáo thì hồ sơ thẩm định, trình tự thẩm định thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 42. Thanh tra, kiểm tra

Hàng năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện thanh tra, kiểm tra công tác đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường theo các quy định hiện hành.

Nội dung thanh tra, kiểm tra bao gồm công tác tuyển sinh, công tác tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo, chương trình và các quy trình đào tạo, quy trình tổ chức đánh giá luận án các cấp, việc cấp bằng tiến sĩ của trường, việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Kết luận thanh tra, kiểm tra và các kiến nghị (nếu có) sẽ được Bộ Giáo dục và Đào tạo thông qua bằng văn bản cho trường.

Điều 43. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp nghiên cứu sinh bị phát hiện đã có những vi phạm, gian lận trong hồ sơ dự tuyển, trong quá trình dự tuyển, dự kiểm tra và đánh giá kết quả học tập nghiên cứu, trong quá trình thực hiện và bảo vệ luận án thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến thu hồi văn bằng đã được cấp hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Nghiên cứu sinh vi phạm các quy định khoản 5 (điều 25 trách nhiệm của nghiên cứu sinh) của quy định này sẽ bị xử lý từ khiển trách, cảnh cáo đến hủy bỏ kết quả học tập, hủy bỏ quyền được bảo vệ luận án. Nếu thông tin

về người phản biện bị tiết lộ thì những người liên quan đến quá trình gửi luận án đi xin ý kiến phản biện độc lập bị xem xét từ khiếu trách, cảnh cáo đến buộc thôi việc.

3. Trường hợp bị phát hiện có vi phạm, sai sót trong quá trình tuyển sinh, đào tạo hay đánh giá luận án, cấp bằng tiến sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ có văn bản đề nghị trường xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

4. Người hướng dẫn nghiên cứu sinh vi phạm các quy định tại điều 24, điều 25 trong quy định này, tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo các hình thức: không được nhận thêm nghiên cứu sinh mới, không được tiếp tục hướng dẫn nghiên cứu sinh hiện tại hoặc không được nhận nghiên cứu sinh mới trong 3 năm tiếp theo.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Bộ GD &ĐT, Bộ Y tế (để báo cáo)
- Lưu trữ HCTH, SĐH



